

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đã được kiểm toán



Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 6
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	7 - 8
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	9 - 10
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “ Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004 với các nội dung sau:

- Địa chỉ trụ sở chính: 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM;
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển;
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VND;
- Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần
01	Bà Châu Mỹ Linh	1/30 Nguyễn Công Trứ, P. Hàng Kênh, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	18.000
02	Bà Phạm Thị Liên	32 Hoàng Văn Thụ, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	18.000
03	Ông Phan Văn Bình	157 Pasteur, P. 6, Q.3, TP. HCM	18.000
04	Bà Đặng Trần Bảo Thúy	68A Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	15.000
05	Ông Nguyễn Hoàng Thắng	229/5 Nguyễn Văn Đậu, P. 11, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	15.000
06	Ông Nguyễn Thế Quân	570 Bis Bùi Đình Túy, P. 12, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	15.000
07	Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh	28/3 Huỳnh Văn Bánh, P. 15, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	9.000
08	Bà Phạm Thị Hội	Thôn Minh Khai, Xã Đại Tập, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng yên	9.000
09	Ông Bùi Duy Ước	5E14, Khu phố 4, Phường Bình An, Quận 2, TP. HCM	9.000
10	Bà Phạm Thị Như Phượng	13/6 Duy Tân, P. 15, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	9.000
11	Ông Nguyễn Văn Phụng	92/66 Bùi Đình Túy, Phường 24, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	9.000

- Người đại diện theo Pháp luật của Công ty: Ông Bùi Duy Ước – Chức Danh: Giám Đốc, Sinh ngày 15/10/1949, Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Số CMND: 020033621, ngày cấp: 09/5/2001, Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc sau:

- Tăng vốn điều lệ lên: 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng);
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải;

Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc sau:

- Tăng vốn điều lệ lên: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng);
- Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Thành Chương; Chức danh: Giám đốc; Sinh ngày: 12/12/1977; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Số CMND: 230513097; Ngày cấp: 16/4/1994; Nơi cấp: CA Tỉnh Gia Lai;

Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y cho việc sau:

- Tăng vốn điều lệ lên: 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng);

Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y cho việc sau:

- Thay đổi địa chỉ trụ sở chính: 57 -59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y cho việc sau:

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp;
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng); Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND; Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp: 150.000 cổ phần, giá trị: 1.500.000.000 VND; Số cổ phần được quyền chào bán: 9.850.000 cổ phần;

Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y cho việc sau:

- Thay đổi địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. HCM;

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y cho việc sau:

- Thay đổi địa chỉ trụ sở chính: Số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh;
- Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Quốc Hùng; Chức danh: Tổng giám đốc; Sinh ngày: 30/8/1954; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Số CMND; 020137716; Ngày cấp: 08/8/2008; Nơi cấp: CA TP. HCM; Nơi đăng ký thường trú: Số 82 Đường số 02, Khu phố 3, Phường Thảo điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh;
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).

Số lượng cổ phiếu : 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

- Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 01 Đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : (84-08) 3943 5447
Fax : (84-08) 3943 5446
Mã số thuế : 0302525162
Mã chứng khoán : HMMH

Địa chỉ và trụ sở các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ : Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 1, Quận An Hải, TP. Hải Phòng.
Mã số thuế : 0200822416

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng (*)

Địa chỉ : Km 103 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại : 0313979946
Mã số thuế : 0200859007

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 1 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 39.435.440
Fax : (84-8) 39.435.441
Mã số thuế : 0303901733

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh:

Địa chỉ : KM 0+200, Đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành Phố Hải Phòng
Mã số thuế : 0201242464

(*) Theo Thông báo số: 1917/TBGT –ĐKKD của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hải Phòng, Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng sáp nhập vào Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2013.

Công ty liên kết

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Mã số thuế : 0102117575
Điện thoại : (84 4) 39 33 11 99
Fax : (84 4) 39 33 19 19

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Địa chỉ : Số 1 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 - 08) 3826 7654
Fax : (84 - 08) 3943 5498
Mã số thuế : 0310316130

Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú

Địa chỉ : 21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, TPHCM
Mã số thuế : 0311190956

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>STT</u>	<u>Tên Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
1.	Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch
2.	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên
3.	Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên
4.	Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên
5.	Bà Nguyễn Mỹ Hải	Ủy viên

Ban kiểm soát

1.	Ông Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban kiểm soát
2.	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên
3.	Ông Triệu Đình Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1.	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
2.	Ông Nguyễn Thế Hưng	Kế toán trưởng

Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 09 đến trang 31).

Sự kiện sau ngày kết thúc sau niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục

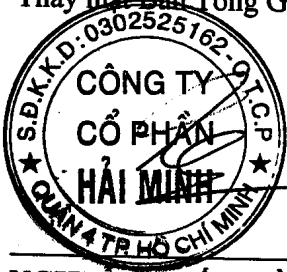
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUỐC HÙNG – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hải Minh bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 15 tháng 03 năm 2014, từ trang 09 đến trang 31 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HẢI – Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2013-037-1

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý IV năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số 31/12/2013	Số dư 01/01/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.581.722.829	63.019.081.985
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.135.255.073	30.466.527.868
1. Tiền	111		6.135.255.073	9.583.805.264
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	20.882.722.604
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		800.000.000	800.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	800.000.000	800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.533.820.562	28.102.899.174
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	22.921.252.354	24.528.028.829
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	3.037.711.804	2.523.950.467
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	8.574.856.404	1.143.919.878
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(93.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		399.996.127	1.313.926.850
Hàng tồn kho	141		399.996.127	1.313.926.850
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.712.651.067	2.335.728.093
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	2.384.452.050	492.810.236
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		522.168.451	375.235.613
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		344.190	329.059.263
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	805.686.376	1.138.622.981
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		174.170.127.776	149.532.879.718
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		94.095.304.487	76.727.885.200
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	73.277.037.997	73.876.919.125
Nguyên giá	222		118.064.244.984	114.224.441.565
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.787.206.987)	(40.347.522.440)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.120.000.000	1.120.000.000
Nguyên giá	228		1.120.000.000	1.137.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(17.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	19.698.266.490	1.730.966.075
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	74.217.862.972	68.186.912.756
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		67.417.862.972	61.386.912.756
2. Đầu tư dài hạn khác	258		6.800.000.000	6.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.629.673.675	1.648.366.240
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.881.723.675	1.385.073.382
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	747.950.000	263.292.858
VI. Lợi thế thương mại	269		2.227.286.642	2.969.715.522
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		235.751.850.605	212.551.961.703

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2013	Số dư 01/01/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.856.473.012	22.188.932.152
I. Nợ ngắn hạn	310		18.343.303.959	21.968.963.099
1. Phải trả người bán	312	V.14	13.337.634.191	15.066.806.563
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	2.092.717.172	2.831.993.029
3. Phải trả người lao động	315		1.048.873.630	1.682.273.812
4. Chi phí phải trả	316		50.689.891	31.818.182
5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	554.625.703	919.838.436
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	723.309.697	753.728.320
7. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323	V.17	535.453.675	682.504.757
II. Nợ dài hạn	330		513.169.053	219.969.053
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333	V.18	400.000.000	100.000.000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		113.169.053	119.969.053
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.804.139.672	187.050.361.517
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	215.804.139.672	187.050.361.517
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99.998.840.000	99.998.840.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.928.510.000	1.928.510.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.573.065.830)	(4.573.065.830)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		742.424.655	2.051.360.115
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.574.565.936	4.375.997.936
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		112.132.864.911	83.268.719.296
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		1.091.237.921	3.312.668.034
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		235.751.850.605	212.551.961.703

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2013	Số dư 01/01/2013
Ngoại tệ các loại:	05			
- Dollar Mỹ (USD)			11.012,79	7.570



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THẾ HƯNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

(Có so sánh với số liệu năm 2012)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	107.489.460.036	120.376.917.119
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		107.489.460.036	120.376.917.119
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	77.818.518.157	90.315.983.008
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.670.941.879	30.060.934.111
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.309.926.591	4.840.809.301
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	103.541.220	38.413.590
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	10.720.283
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý kinh doanh	25	VI.5	10.313.810.695	11.573.499.574
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.563.516.555	23.289.830.248
11 Thu nhập khác	31	VI.6	1.564.553.244	4.894.675.179
12 Chi phí khác	32	VI.7	611.711.566	3.938.317.437
13 Lợi nhuận khác	40		952.841.678	956.357.742
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		22.456.411.163	20.032.808.426
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.972.769.396	44.278.996.416
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.8	5.699.124.928	4.571.652.995
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39.273.644.468	39.707.343.421
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		235.701.185	371.485.929
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		39.037.943.283	39.335.857.492
Trong đó				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			9.784.784	7.834.122
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.989,66	5.021,09

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

NGUYỄN QUỲNH HÙNG
Tổng Giám đốcNGUYỄN THÊ HÙNG
Kế toán trưởngNGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

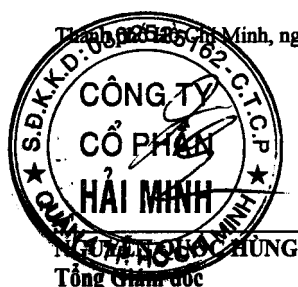
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		44.972.769.396	44.278.996.416
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		11.339.631.407	11.244.861.646
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(598.369)
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(29.715.036.564)	(30.180.880.504)
- Chi phí lãi vay	06		-	10.720.283
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		26.597.364.239	25.353.099.472
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(498.853.585)	11.271.542.955
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		913.930.723	(964.617.363)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(3.743.757.748)	(15.483.960.626)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(3.388.292.107)	(47.200.161)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(10.720.283)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.712.377.499)	(7.555.903.820)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	430.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.174.503.237)	(1.028.011.352)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		10.993.510.786	11.964.228.822
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(32.593.254.504)	(22.314.257.245)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		963.454.546	1.031.818.180
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.030.950.216)	(31.841.511.800)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1.310.182.500	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.732.918.968	24.975.430.097
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(13.617.648.706)	(28.148.520.768)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	3.569.380.000
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1.167.200)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.000.000.000	1.000.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.000.000.000)	(1.057.089.668)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.707.134.875)	(14.539.834.092)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(5.707.134.875)	(11.028.710.960)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		(8.331.272.795)	(27.213.002.906)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60		30.466.527.868	57.678.932.405
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	598.369
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	V.1	22.135.255.073	30.466.527.868

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014



NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại – Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** :

Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ : Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, Thành phố Hải Phòng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh

Địa chỉ : KM 0+200, Đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành Phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú

Địa chỉ : 21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, TPHCM

Mã số thuế : 0311190956

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 thuộc năm tài chính thứ 12 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng Đôla Mỹ (USD) và các ngoại tệ khác trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012. Tỷ giá dùng để qui đổi các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm được áp dụng theo tỷ giá ngân hàng giao dịch (Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN TP.HCM).

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2012 là: 20.828 VND/USD.

Ngày 31/12/2013 là: 21.085 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một Công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một Công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào Công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, Công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua Công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của Công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các Công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

8. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.049.926.467	754.010.245
Tiền VND	1.020.119.067	724.642.765
USD quy đổi VND	29.807.400	29.367.480
Tiền gửi ngân hàng	4.085.328.606	8.829.795.019
Tiền VND	3.882.373.639	8.701.489.495
Tiền USD quy đổi sang VND	202.954.967	128.305.524
Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	20.882.722.604
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	22.135.255.073	30.466.527.868

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi NH TMCP Hàng Hải (MSB) kỳ hạn 12 tháng	800.000.000	800.000.000
Cộng (*)	800.000.000	800.000.000

(*) Khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. Phải thu khách hàng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hải Minh	11.058.831.782	12.486.987.237
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	4.944.704.977	6.187.493.935
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	2.806.129.822
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	602.095.450
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	6.917.715.595	2.445.322.385
Cộng	22.921.252.354	24.528.028.829

4. Trả trước cho người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	2.855.093.337	25.000.000
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	182.618.467	2.498.950.467
Cộng	3.037.711.804	2.523.950.467

5. Các khoản phải thu khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	8.365.770.257	860.885.885
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	6.703.545	4.670.000
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	5.000.848
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	187.247.811
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	202.382.602	86.115.334
Cộng	8.574.856.404	1.143.919.878

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.539.269.221	362.123.135
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	495.615.241	63.271.636
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	15.985.807
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	349.567.588	51.429.658
Cộng	2.384.452.050	492.810.236

7. Tài sản ngắn hạn khác

Chỉ tiêu		
Công ty Cổ phần Hải Minh	169.771.437	317.226.230
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	519.811.084	453.414.499
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	310.804.252
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	50.000.000
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	116.103.855	7.178.000
Cộng	805.686.376	1.138.622.981

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

8. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tài sản cố định hữu hình
Nguyên giá						
Số đầu năm	46.986.826.725	12.789.519.377	53.575.802.165	872.293.298	-	114.224.441.565
Tăng trong năm	-	-	10.517.148.717	82.474.723	3.131.251.682	13.730.875.122
Giảm trong năm	-	36.556.483	9.446.925.634	407.589.586	-	9.891.071.703
Số cuối năm	46.986.826.725	12.752.962.894	54.646.025.248	547.178.435	3.131.251.682	118.064.244.984
Hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	10.241.377.949	7.212.079.045	22.190.599.509	703.465.937	-	40.347.522.440
Tăng trong năm	3.011.406.904	1.310.373.971	6.826.526.356	86.949.120	104.375.056	11.339.631.407
Giảm trong năm	-	26.662.700	6.593.619.369	279.664.791	-	6.899.946.860
Số cuối năm	13.252.784.853	8.495.790.316	22.423.506.496	510.750.266	104.375.056	44.787.206.987
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	36.745.448.776	5.577.440.332	31.385.202.656	168.827.361	-	73.876.919.125
Số cuối năm	33.734.041.872	4.257.172.578	32.222.518.752	36.428.169	3.026.876.626	73.277.037.997

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quyền sử dụng đất (*)	1.120.000.000	-	-	1.120.000.000
Phần mềm vi tính	17.000.000	-	17.000.000	-
Cộng	1.137.000.000	-	17.000.000	1.120.000.000

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất của hai lô đất số: 314/327 và 315/327, do đơn vị nhận chuyển nhượng của các cá nhân theo các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký từ tháng 05 năm 2008. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa thực hiện việc sang tên quyền sử dụng đất đối với hai lô đất này.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hải Minh	1.280.400.000	-
Công ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát	18.417.866.490	869.812.727
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	861.153.348
Cộng	19.698.266.490	1.730.966.075

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hải Minh	67.417.862.972	61.386.912.756
Công ty Cổ phần Hải Minh	6.800.000.000	6.800.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	74.217.862.972	68.186.912.756

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu		
Công ty Cổ phần Hải Minh	671.139.368	486.264.024
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.037.938.538	898.809.358
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.172.645.769	-
Cộng	2.881.723.675	1.385.073.382

13. Tài sản dài hạn khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	747.950.000	215.680.858
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	3.212.000
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	44.400.000
Cộng	747.950.000	263.292.858

14. Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	8.411.599.714	9.604.107.432
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	2.990.672.431	1.442.236.785
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	2.117.015.414
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	463.671.700
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.935.362.046	1.439.775.232
Cộng	13.337.634.191	15.066.806.563

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

15. Thuế và các khoản phải nộp khác

Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
Thuế phải nộp Nhà nước	2.717.593.227	11.143.532.281	11.802.572.321	2.058.553.187
Thuế GTGT hàng bán nội địa	751.531.785	1.367.670.982	2.813.901.892	116.789.726
Thuế GTGT nộp thừa (*)	384.491.622	811.488.851	1.196.324.663	(344.190)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.512.322.616	5.712.377.499	5.775.170.413	1.449.529.702
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	(41.689.593)	41.689.593	-	-
Các loại thuế khác	453.738.826	3.251.994.949	3.213.500.016	492.233.759
Thuế thu nhập cá nhân	419.387.677	1.894.949.863	2.054.321.566	260.015.974
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	(13.971.860)	13.971.860	-	-
Thuế nhà Thuế	51.323.009	479.191.226	497.905.050	32.609.185
Thuế môn bài	(3.000.000)	13.000.000	10.000.000	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	850.882.000	651.273.400	199.608.600
Các khoản phải nộp khác	55.738.349	600.854.414	622.772.968	33.819.795
Các khoản phải nộp khác	55.738.349	600.854.414	622.772.968	33.819.795
Cộng	2.773.331.576	11.744.386.695	12.425.345.289	2.092.372.982

(*) Số dư âm được trình bày trên chi tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hải Minh	276.292.530	819.153.645
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	264.462.673	6.086.881
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	4.130.960
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	63.406.950
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	13.870.500	27.060.000
Cộng	554.625.703	919.838.436

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	753.728.320	2.667.614.000	2.698.032.623	723.309.697
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	682.504.757	1.997.614.000	2.144.665.082	535.453.675
Cộng	1.436.233.077	4.665.228.000	4.842.697.705	1.258.763.372

18. Phải trả, phải nộp dài hạn

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	400.000.000	100.000.000
Cộng	400.000.000	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

19. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	73.574.960.000	1.928.510.000	(4.571.898.630)	2.051.360.115	3.168.311.136	84.483.785.198	160.635.027.819
Tăng vốn trong năm trước	26.423.880.000	-	(1.167.200)	-	-	-	26.422.712.800
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	39.335.857.492	39.335.857.492
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(31.144.792.400)	(31.144.792.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.207.686.800	(9.240.699.035)	(8.033.012.235)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(165.431.959)	(165.431.959)
Số dư cuối năm trước	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	2.051.360.115	4.375.997.936	83.268.719.296	187.050.361.517
Số dư đầu năm nay	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	2.051.360.115	4.375.997.936	83.268.719.296	187.050.361.517
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	39.037.943.283	39.037.943.283
Giảm vốn trong năm	-	-	-	(1.308.935.460)	-	-	(1.308.935.460)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(4.892.392.000)	(4.892.392.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.198.568.000	(5.193.796.000)	(3.995.228.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(87.609.668)	(87.609.668)
Số dư cuối năm nay	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	742.424.655	5.574.565.936	112.132.864.911	215.804.139.672

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	215.216	215.216
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.784.784	9.784.784
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.784.784	9.784.784
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

(*) *Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.*

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hải Minh	37.345.786.120	36.678.349.015
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	47.272.581.189	42.397.347.883
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	31.088.835.218
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	4.183.487.418
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	22.871.092.727	6.028.897.585
Cộng	107.489.460.036	120.376.917.119

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

2. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hải Minh	26.544.632.980	18.764.638.746
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	36.305.754.646	27.433.862.125
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	30.746.764.839
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	11.809.479	8.328.183.615
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	14.956.321.052	5.042.533.683
Cộng	77.818.518.157	90.315.983.008

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.575.492.994	3.080.915.659
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	278.216.096	575.891.203
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	230.130.853	1.083.614.485
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	89.343.949	21.194.027
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	136.742.699	79.193.927
Cộng	2.309.926.591	4.840.809.301

4. Chi phí tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	103.529.220	14.143.398
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	12.000	4.565.117
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	19.290.075
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	415.000
Cộng	103.541.220	38.413.590

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hải Minh	5.177.809.289	5.552.588.254
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	3.239.117.414	2.722.615.103
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	26.785.726	1.702.390.091
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	270.231.580	1.160.472.027
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.599.866.686	435.434.099
Cộng	10.313.810.695	11.573.499.574

6. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.106.130.910	869.885.470
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	17.318.181	909.091
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	91.104.153	-
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	4.023.880.618
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	350.000.000	-
Cộng	1.564.553.244	4.894.675.179

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

7. Chi phí khác

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hải Minh	472.684.181	530.353.849
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	17.157.457	61.614.009
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	121.869.928	382.346
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	3.345.967.233
Cộng	611.711.566	3.938.317.437

8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	50.750.816.553	49.621.064.660
Điều chỉnh tăng	338.387.414	315.995.441
Điều chỉnh giảm	(27.805.236.598)	(27.132.539.606)
Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN	23.283.967.369	24.573.983.399
Thu nhập chịu thuế TNDN theo thuế suất 20%	3.400.823.844	291.125.582
Thu nhập chịu thuế TNDN theo thuế suất 25%	19.883.143.525	24.282.857.817
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 20%	680.164.769	58.225.116
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 25%	5.018.960.159	6.055.407.181
Thuế thu nhập được miễn giảm 30% theo Nghị quyết 13/2012	-	1.541.979.302
Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong năm	5.699.124.928	4.571.652.995

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	9.784.784	7.142.396
Số lượng cổ phiếu bán ra trong năm	-	2.642.388
Số lượng cổ phiếu mua vào trong năm	-	116
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	9.784.784	7.834.122
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	39.037.943.283	39.335.857.492
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.989,66	5.021,09

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.809.485.546	21.189.266.456
Chi phí nhân công	15.381.673.156	24.025.400.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.296.112.455	11.244.861.646
Thuế, phí và lệ phí	3.268.356.928	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.878.163.610	59.007.911.556
Chi phí khác bằng tiền	8.663.897.954	8.572.880.656
Cộng	109.297.689.649	124.040.321.283

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Phải thu			
Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	2.887.962.152
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	Công ty liên kết	Doanh thu cước vận tải biển (gồm thu hộ SAMUDERA) Nhận lợi nhuận 2012 từ liên doanh "K" Line	33.580.326.077 14.739.925.200
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	1.446.651.273

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày 31/12/2013

Phải thu khách hàng	Số tiền VND
Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	1.017.366.934
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	3.169.391.383
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	1.393.092.900

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ Tiếp vận ở hai nơi khác nhau là Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm nay	Năm trước
Tp. Hồ Chí Minh	37.345.786.120	36.678.349.015
Tp. Hải Phòng	70.143.673.916	83.698.568.104
Cộng	107.489.460.036	120.376.917.119

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tp. Hồ Chí Minh	22.485.232.254	21.420.693.431	6.176.807.279	8.877.901.262
Tp. Hải Phòng	50.791.805.743	52.456.225.694	7.554.067.843	41.541.919.257
Cộng	73.277.037.997	73.876.919.125	13.730.875.122	50.419.820.519

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số V.5.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.135.255.073	30.466.527.868
Phải thu khách hàng	22.921.252.354	24.528.028.829
Các khoản phải thu khác	8.574.856.404	1.143.919.878
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	6.800.000.000
Cộng	60.431.363.831	62.938.476.575
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	13.337.634.191	15.066.806.563
Chi phí phải trả	50.689.891	31.818.182
Các khoản phải trả khác	554.625.703	919.838.436
Cộng	13.942.949.785	16.018.463.181

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khoản phải thu khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số dư cuối năm	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	13.337.634.191	-	-	13.337.634.191
Chi phí phải trả	50.689.891	-	-	50.689.891
Các khoản phải trả khác	554.625.703	-	-	554.625.703
Cộng	13.942.949.785	-	-	13.942.949.785

Số dư 01/01/2013

Phải trả người bán	15.066.806.563	-	-	15.066.806.563
Chi phí phải trả	31.818.182	-	-	31.818.182
Các khoản phải trả khác	919.838.436	-	-	919.838.436
Cộng	16.018.463.181	-	-	16.018.463.181

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số dư cuối năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	22.135.255.073	-	-	22.135.255.073
Phải thu khách hàng	22.921.252.354	-	-	22.921.252.354
Các khoản phải thu khác	8.574.856.404	-	-	8.574.856.404
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	-	-	6.800.000.000
Cộng	60.431.363.831	-	-	60.431.363.831

Số dư 01/01/2013

Tiền và các khoản tương đương tiền	30.466.527.868	-	-	30.466.527.868
Phải thu khách hàng	24.528.028.829	-	-	24.528.028.829
Các khoản phải thu khác	1.143.919.878	-	-	1.143.919.878
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	-	-	6.800.000.000
Cộng	62.938.476.575	-	-	62.938.476.575

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

4. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm 2013 của Công ty được thể hiện theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư Vấn Đất Việt.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014



NGUYỄN QUỐC HÙNG

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN

Người lập biểu